TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN H ĐỨC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	

Bản án số: **20**/2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 20/01/2022;
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

2. Ông Trần Mạnh Khang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện H Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện H Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện H Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện H Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:**

Chị H và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 26/04/2016 tại UBND xã C, huyện H Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh H nhiều lần ghen tuông vô lý, đánh mắng chị H2 dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị H2 có hai con chung là cháu Q, sinh năm 29/05/2016 và cháu A, sinh ngày 31/5/2019. Hiện hai con đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H2 xin nuôi cháu A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H2 không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ đến làm việc nhiều lần nhưng anh Đ không chấp hành nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.**

Ủy ban nhân dân xã C, huyện H Đức cung cấp thông tin:

Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H Đức, thành phố Hà Nội. Chị H2 và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện H Đức giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H2 và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H2, cho chị H2 được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Giao cháu A, sinh ngày 31/5/2019 cho chị H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Q, sinh năm 29/05/2016 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đó được xem xét tại phiên tũa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đ hiện đang cư trú tại: Xã C, huyện H Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện H Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị H và anh Đ kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 4/2021 đến nay, chị H2 đã về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Trạm Trôi sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân; mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng giữa chị H2 và anh Đ không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ từ chối đến Tòa án làm việc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đ tham dự phiên hòa giải nhưng anh Đ đều cố ý vắng mặt. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy hiện tại chị H2 và anh Đ đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Bản thân anh Đ từ chối làm việc với Tòa án, từ chối tham gia hòa giải, không cung cấp quan điểm về việc giải quyết vụ án, không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H2 và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị H2 được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị H có hai con chung là cháu Q, sinh năm 29/05/2016 và cháu A, sinh ngày 31/5/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con chung của hai bên đương sự là thể hiện trách nhiệm của cha mẹ với các

con. Xét cháu Đức Anh hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, cần giao cháu Anh cho chị H2 nuôi dưỡng và giao cháu Quang cho anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H2 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ.

[2]. Về con chung:

+ Giao cháu A, sinh ngày 31/5/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Anh đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con.

+ Giao cháu Q, sinh ngày 29/05/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Quang đủ 18 (Mười tám) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị H không yêu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Ghi nhận chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015307 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H Đức, thành phố Hà Nội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- VKSND huyện H Đức;
- Chi cục THADS huyện H Đức;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu Hồ sơ vụ án.